

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG.....
KHOA.....

BÁO CÁO THỰC TẬP

**ĐỀ TÀI: Báo cáo thực tập Kế toán nguyên vật liệu tại
Cty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín**



MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	3
DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ	4
<u>PHẦN I</u> KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI HỒNG TÍN	7
1.1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI HỒNG TÍN	7
1.1.1. Khái quát chung	7
1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển.....	7
1.1.3. Kết quả kinh doanh và đóng góp vào ngân sách nhà nước của Cty TNHH XD TM & DV Đại Hồng Tín.....	9
1.2. CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY	10
1.2.1. Chức năng	10
1.2.2. Nhiệm vụ và quyền hạn	10
1.3. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY	10
1.3.1. Loại hình kinh doanh và các loại hàng hóa, dịch vụ chủ yếu mà Công ty đang kinh doanh.....	10
1.3.2. Thị trường đầu vào, đầu ra của Công ty.....	10
1.3.3. Vốn kinh doanh của Công ty.....	10
1.3.4. Đặc điểm các nguồn lực chủ yếu của Công ty.....	11
1.4. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ TẠI CÔNG TY	12
1.4.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh tại Công ty.....	12
1.4.2. Đặc điểm tổ chức quản lý.....	14
1.5. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY	15
1.5.1. Mô hình tổ chức kế toán tại Công ty.....	15
1.5.2. Bộ máy kế toán của Công ty.....	16
1.5.3. Hình thức kế toán mà Công ty đang áp dụng	17
1.5.4. Chính sách kế toán tại Công ty.....	18
<u>PHẦN II</u> THỰC HÀNH VỀ GHI SỔ KẾ TOÁN	19

2.1. TRÌNH TỰ GHI SỔ CỦA CÔNG TY	19
2.1.1. ĐẶC ĐIỂM, PHÂN LOẠI, TÍNH GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU.....	19
2.1.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại Công ty.....	19
2.1.1.2. Phân loại	19
2.1.1.3. Tính giá nguyên vật liệu.....	19
2.1.2. KẾ TOÁN CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU.....	21
2.1.2.1. Quy trình, phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu	21
2.1.2.2. Kế toán tăng nguyên vật liệu	23
2.1.2.3. Kế toán giảm nguyên vật liệu	27
2.1.3. KẾ TOÁN TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU	33
2.2. TỔ CHỨC SỔ VÀ GHI CHÉP VÀO SỔ THEO CÁC HÌNH THỨC CÒN LẠI	38
2.2.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	38
2.2.1.1. Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung....	38
2.2.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	39
2.2.1.3. Tổ chức ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung	40
2.2.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái	43
2.2.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái	43
2.2.2.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái	43
2.2.2.3. Tổ chức ghi sổ theo hình thức kế toán “Nhật ký-Sổ cái”	45
<u>PHẦN III</u> MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY VÀ CÁC HÌNH THỨC CÒN LẠI	47
3.1. MỘT SỐ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY	47
3.2. NHẬN XÉT HÌNH THỨC KẾ TOÁN MÀ CÔNG TY ĐANG ÁP DỤNG VÀ CÁC HÌNH THỨC CÒN LẠI	49
3.2.1. Hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ” công ty đang áp dụng	49
3.2.2. Hình thức Nhật ký chung	50
3.2.3. Hình thức Nhật ký-Sổ cái	51
KẾT LUẬN	52
PHỤ LỤC	53
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	54

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ đầy đủ
BTC	Bộ tài chính
CT	Chứng từ
CTGS	Chứng từ ghi sổ
Cty	Công ty
DV	Dịch vụ
ĐVT	Đơn vị tính
GTGT	Giá trị gia tăng
HĐ	Hóa đơn
HMLK	Hao mòn lũy kế
KDC	Khu dân cư
NKC	Nhật ký chung
NN	Nhà nước
NT	Ngày tháng
NVL	Nguyên vật liệu
SC	Sổ cái
SH	Số hiệu
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TKĐƯ	Tài khoản đối ứng
TM	Thương mại
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
XD	Xây dựng

DANH MỤC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

Danh mục bảng

Bảng 1.1: TÌNH HÌNH KINH DOANH VÀ ĐÓNG GÓP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÔNG TY TNHH XD TM DV ĐẠI HỒNG TÍN	9
Bảng 1.2: SO SÁNH TÌNH HÌNH KINH DOANH VÀ ĐÓNG GÓP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÔNG TY TNHH XD TM DV ĐẠI HỒNG TÍN	9
Bảng 1.3: TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG	11
Bảng 1.4: TRÍCH KHẤU HAO TSCĐ QUA CÁC NĂM	11

Danh mục sơ đồ

Sơ đồ 1.1: QUY TRÌNH THI CÔNG CÔNG TRÌNH	12
Sơ đồ 1.2: MÔ HÌNH TỔ CHỨC QUẢN LÝ TẠI CÔNG TRÌNH	13
Sơ đồ 1.3: BỘ MÁY TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY	14
Sơ đồ 1.4: BỘ MÁY KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY	16
Sơ đồ 1.5: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN “CHỨNG TỪ GHI SỔ”	17
Sơ đồ 2.1: QUY TRÌNH LẬP VÀ LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ VỀ NVL	21
Sơ đồ 2.2: QUY TRÌNH HẠCH TOÁN THEO PHƯƠNG PHÁP THẺ SONG SONG	22
Sơ đồ 2.3: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG	39
Sơ đồ 2.4: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ – SỔ CÁI	43

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường các doanh nghiệp sản xuất muốn tồn tại và phát triển nhất định phải có phương pháp sản xuất phù hợp và phải sản xuất ra được những sản phẩm có chất lượng cao và giá cả hợp lý. Một quy luật tất yếu trong nền kinh tế thị trường là cạnh tranh. Do vậy mà doanh nghiệp phải tìm mọi biện pháp để đáp ứng và phát triển trên thương trường, đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng với chất lượng ngày càng cao, giá thành hạ. Đó chính là mục đích chung của tất cả các doanh nghiệp sản xuất nói chung và ngành xây dựng nói riêng. Nắm bắt được thời thế trong bối cảnh đất nước đang chuyển mình trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa với nhu cầu cơ sở hạ tầng, đô thị hóa ngày càng cao, ngành xây dựng cơ bản luôn luôn không ngừng phấn đấu để góp phần phát triển nền kinh tế đất nước. Tuy nhiên trong thời gian vừa qua đầu tư xây dựng cơ bản còn thực hiện tràn lan, thiếu tập trung, công trình dở dang làm thất thoát kinh phí lớn và việc đó đã được dần dần khắc phục cho đến ngày nay. Trong tình hình đó việc đầu tư vốn phải được tăng cường quản lý chặt chẽ trong ngành xây dựng là một điều hết sức cấp bách hiện nay.

Để thực hiện được điều đó, vấn đề đầu tiên là cần phải hoạch toán đầy đủ, rõ ràng, chính xác vật liệu trong quá trình sản xuất vật chất. Vì đây là yếu tố cơ bản trong quá trình sản xuất, nó chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp. Chỉ cần một biến động nhỏ về chi phí nguyên vật liệu cũng ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến lợi nhuận, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy nguyên vật liệu đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất. Các doanh nghiệp buộc phải quan tâm đến việc tiết kiệm nguyên vật liệu mà vẫn đảm bảo chất lượng. Đó cũng là biện pháp đúng đắn nhất để tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp, tiết kiệm được chi phí, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

Nhận thức được vai trò của kế toán một cách rõ ràng, đặc biệt là kế toán nguyên vật liệu trong quá trình quản lý chi phí của doanh nghiệp, việc tổ chức hạch toán nguyên vật liệu một cách khoa học hợp lý có ý nghĩa thực tiễn rất cao trong

việc nâng cao chất lượng quản lý và khả năng sử dụng vật liệu một cách có hiệu quả.

Xuất phát từ ý nghĩa và tầm quan trọng trên, qua thực tế thời gian kiến tập tại Cty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín, em đã chọn đề tài: **“Kế toán nguyên vật liệu tại Cty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín”** để làm báo cáo thực tập tổng hợp.

Nội dung gồm 3 phần:

PHẦN I: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI HỒNG TÍN

PHẦN II: THỰC HÀNH VỀ GHI SỔ KẾ TOÁN

PHẦN III: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẬN XÉT VỀ HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP VÀ CÁC HÌNH THỨC CÒN LẠI

Do hạn chế về thời gian, về kiến thức lý luận và thực tiễn nên bài báo cáo không thể tránh khỏi những sai sót, vì vậy em kính mong nhận được ý kiến đóng góp của ban lãnh đạo Cty, quý thầy cô để bài báo cáo này được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của cô Đỗ Huyền Trang cùng các anh chị phòng kế toán đã chỉ bảo, hướng dẫn em trong suốt thời gian kiến tập này.

Đà Nẵng, ngày tháng năm
Sinh viên thực hiện

Mai Vũ Đình Long

PHẦN I

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI HỒNG TÍN

1.1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI HỒNG TÍN

1.1.1. Khái quát chung

- Tên công ty: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐẠI HỒNG TÍN
- Tên giao dịch: ĐẠI HỒNG TÍN CO.,LTD
- Tên viết tắt: ĐHT CO.,LTD
- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 45, khu dân cư An Hòa, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0511.3653955-3653956
- Mã số thuế: 0400450740
- Fax: 0511.3653956
- Loại hình doanh nghiệp: Cty TNHH 2 thành viên trở lên
- Quy mô hiện tại: Doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Vốn điều lệ: 10.000.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình giao thông, hệ thống cấp thoát nước, san lấp mặt bằng. Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng. Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện. Tư vấn thiết kế các công trình xây dựng. Kinh doanh bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản. Tư vấn, thiết kế các công trình hạ tầng kỹ thuật. Trang trí nội thất. Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng. Thương mại, dịch vụ và kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.

1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Sau một thời gian tìm hiểu và khảo sát thực tế Thành phố Đà Nẵng đang ngày càng phát triển và điều tất yếu là phải đi kèm với việc phát triển cơ sở hạ tầng. Nhận thấy được nhu cầu đó và Cty TNHH TM DV Đại Hồng Tín đã được thành lập

theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3202001066 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16 tháng 7 năm 2003.

Vốn điều lệ ban đầu:

1.200.000.000 đồng

Gồm 3 thành viên:

+ Võ Thị Hồng	(40%) = 480.000.000 đồng
+ Mai Vũ Đình Chương	(30%) = 360.000.000 đồng
+ Hoàng Thanh Bình	(30%) = 360.000.000 đồng

Thay đổi vốn điều lệ lần thứ nhất ngày 10/06/2004:

Vốn điều lệ: 1.500.000.000 đồng

Gồm 2 thành viên:

+ Võ Thị Hồng	(76%) = 1.140.000.000 đồng
+ Mai Vũ Đình Chương	(24%) = 360.000.000 đồng

Thay đổi vốn điều lệ lần thứ hai ngày 11/03/2008:

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng

Gồm 4 thành viên:

+ Võ Thị Hồng	(94%) = 9.400.000.000 đồng
+ Mai Vũ Đình Chương	(4%) = 400.000.000 đồng
+ Mai Vũ Thị Tường Vy	(1%) = 100.000.000 đồng
+ Nguyễn Thị Thôi	(1%) = 100.000.000 đồng

Trong những năm đầu mới thành lập, Cty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín không những phải đương đầu với sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành, mà bên cạnh đó Cty còn gặp nhiều trở ngại về mặt nhân lực, thị trường...và kinh nghiệm của Cty còn khá non trẻ, do đó mà Cty đã gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo Cty đã huy động mọi nguồn lực và năng lực của mình, đề ra các chiến lược kinh doanh, đầu tư đổi mới nhiều trang thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, cải thiện điều kiện lao động cho công nhân, phát huy tính tự chủ sáng tạo của cán bộ nhân viên, mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng của sản phẩm.

Trải qua những khó khăn ban đầu, với sự phấn đấu nỗ lực không ngừng của Cty cùng với sự giúp đỡ của các cơ quan ban ngành có liên quan mà Cty đã mở rộng được thị trường cũng như quy mô SXKD của mình, từ đó nâng cao được

doanh thu của doanh nghiệp và cải thiện thu nhập cho người lao động, bên cạnh đó còn đáp ứng được nhu cầu của thị trường và khách hàng, từng bước nâng cao và khẳng định uy tín cũng như thương hiệu của Cty trên thị trường.

1.1.3. Kết quả kinh doanh và đóng góp vào ngân sách nhà nước của Cty TNHH XD TM & DV Đại Hồng Tín

Chính nhờ những thuận lợi kể trên mà trong những năm gần đây tình hình kinh doanh của Cty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín có nhiều chuyển biến thuận lợi, doanh thu cũng như lợi nhuận ngày càng tăng nhanh thể hiện ở bảng số liệu sau:

Bảng 1.1-TÌNH HÌNH KINH DOANH VÀ ĐÓNG GÓP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÔNG TY TNHH XD TM DV ĐẠI HỒNG TÍN

DVT: đồng

Chỉ tiêu	2007	2008	2009
Doanh thu	13.623.702.895	34.102.315.263	90.524.549.051
Lợi nhuận trước thuế	18.650.000	73.890.802	238.546.069
Thuế TNDN phải nộp	5.222.000	20.689.425	39.134.562
Lợi nhuận sau thuế	13.428.000	53.201.377	199.411.507

Bảng 1.2-SO SÁNH TÌNH HÌNH KINH DOANH VÀ ĐÓNG GÓP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÔNG TY TNHH XD TM DV ĐẠI HỒNG TÍN

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008 so với năm 2007	Năm 2009 so với năm 2008	Năm 2009 so với năm 2007
Doanh thu	250	265	664
Lợi nhuận trước thuế	396	322	1279
Thuế TNDN phải nộp	792	189	1498
Lợi nhuận sau thuế	331	374	1243

Qua bảng số liệu trên cho thấy kết quả kinh doanh của Cty rất thuận lợi, doanh thu cũng như lợi nhuận sau thuế tăng đáng kể. Doanh thu năm 2008 là 34.102.315.263 đồng đạt 250% so với năm 2007, năm 2009 là 90.524.549.051 đồng đạt 265% so với năm 2008. Tương tự như vậy ta thấy lợi nhuận sau thuế cũng tăng

cao qua các năm, đạt trên 300% so với năm trước đó. Khoản thuế đóng góp cho ngân sách nhà nước cũng tăng qua các năm cũng tăng.

1.2. CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY

1.2.1. Chức năng

Xây dựng các công trình dân dụng công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, công trình giao thông, san lấp mặt bằng, xây dựng các cầu, cảng, cống. Kinh doanh dịch vụ bất động sản, vận chuyển hàng hóa, sản xuất vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Tư vấn thiết kế các công trình hạ tầng kỹ thuật.

1.2.2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Đáp ứng nhu cầu của thị trường, phát huy những thành quả đạt được, tăng cường đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động và cuối cùng là thu lợi về cho Cty. Đảm bảo uy tín trong sản xuất cũng như chất lượng, thời gian thực hiện công trình đối với khách hàng. Chấp hành nghiêm chỉnh chế độ chính sách do Nhà nước quy định bao gồm nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

1.3. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

1.3.1. Loại hình kinh doanh và các loại hàng hóa, dịch vụ chủ yếu mà Công ty đang kinh doanh

Cty TNHH XD TM & DV Đại Hồng Tín đang hoạt động theo hai loại hình sản xuất và dịch vụ. Sản phẩm sản xuất chủ yếu là các loại gạch block lát vỉa hè. Dịch vụ chủ yếu là xây dựng các công trình giao thông đường bộ, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và san lấp mặt bằng.

1.3.2. Thị trường đầu vào, đầu ra của Công ty

- **Đầu vào:** Các nguyên vật liệu xây dựng như xi măng, gạch, thép, đá, cát... và nhiên liệu như xăng, dầu... được mua chủ yếu trong thành phố.
- **Đầu ra:** Chủ yếu thực hiện các gói thầu của các chủ đầu tư các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi của Nhà nước

1.3.3. Vốn kinh doanh của Công ty

Vốn kinh doanh của Cty bao gồm Vốn chủ sở hữu của Cty là 10.000.000.000 đồng chiếm 10,47% trong tổng nguồn vốn. Nợ phải trả chiếm 89,53% trong đó, chủ đầu tư ứng tiền trước cho nhà thầu chiếm hết 75,48% trong tổng nợ phải trả. Phần còn lại do Cty vay ngân hàng và chiếm dụng của các Cty khác.

1.3.4. Đặc điểm các nguồn lực chủ yếu của Công ty

- **Lao động:** Hiện nay Cty có tổng số 200 lao động bao gồm đội ngũ cán bộ, nhân viên quản lý, công nhân lành nghề, bảo vệ. Cty đang áp dụng tính thời gian làm việc theo giờ hành chính đối với cán bộ nhân viên quản lý và áp dụng chế độ thời gian làm việc theo ca đối với công nhân sản xuất, thi công các công trình.

Bảng 1.3-TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ%
Đại học	10	5
Cao đẳng	5	2,5
Trung cấp	20	10
Công nhân bậc 6/7	14	7
Công nhân bậc 5/7	21	10,5
Công nhân bậc 3/7	93	46,5
Công nhân phổ thông	37	18,5

- **Tài sản cố định:** Chủ yếu là máy móc, phương tiện, thiết bị, văn phòng làm việc, kho bãi quản lý máy móc, thiết bị, vật liệu...

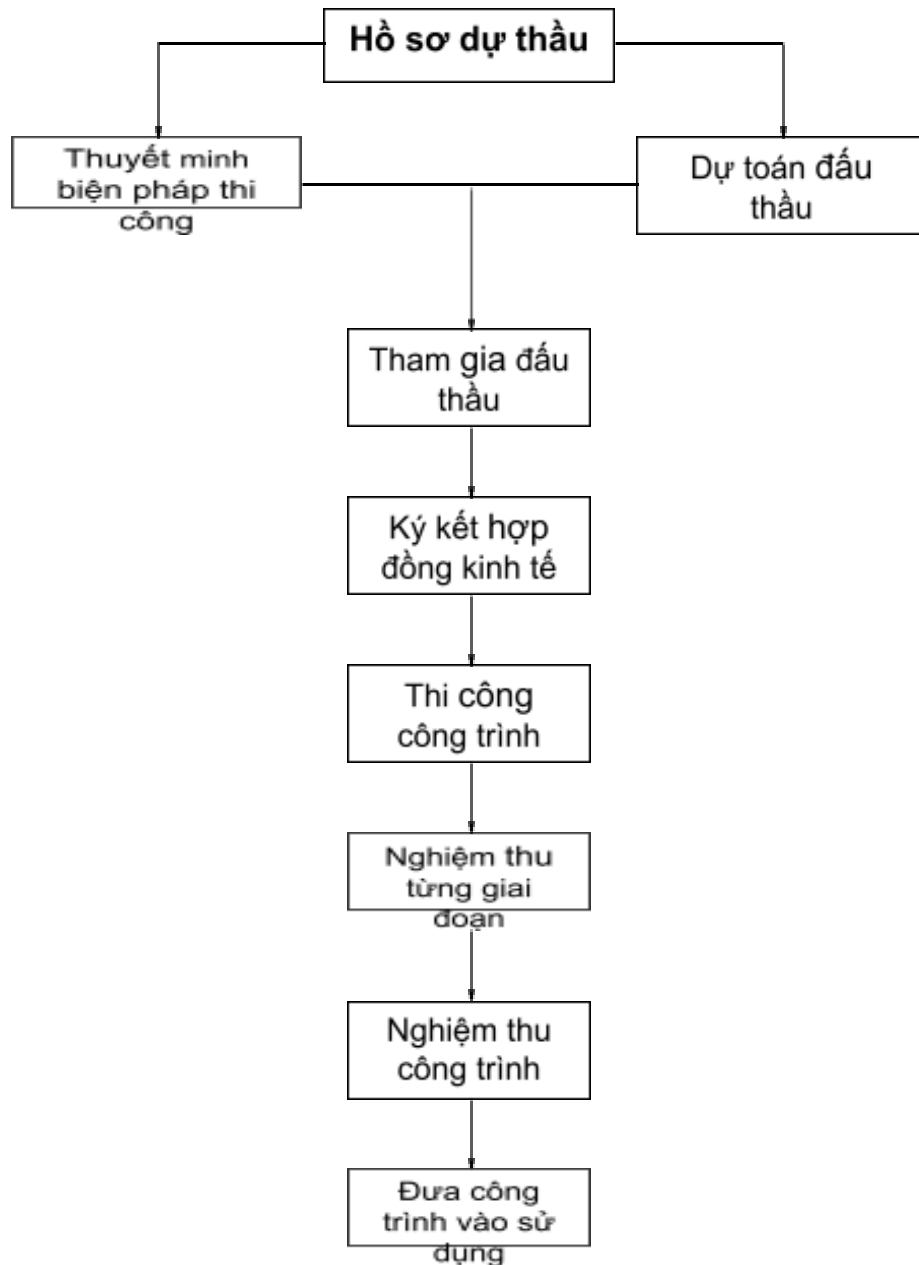
Bảng 1.4-TRÍCH KHẤU HAO TSCĐ QUA CÁC NĂM

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	2007	2008	2009
Nguyên giá TSCĐ	2.932.834.865	6.997.404.888	12.553.226.662
Giá trị HMLK	(598.404.767)	(1.508.904.261)	(3.180.664.375)

1.4. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ TẠI CÔNG TY

1.4.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh tại công ty

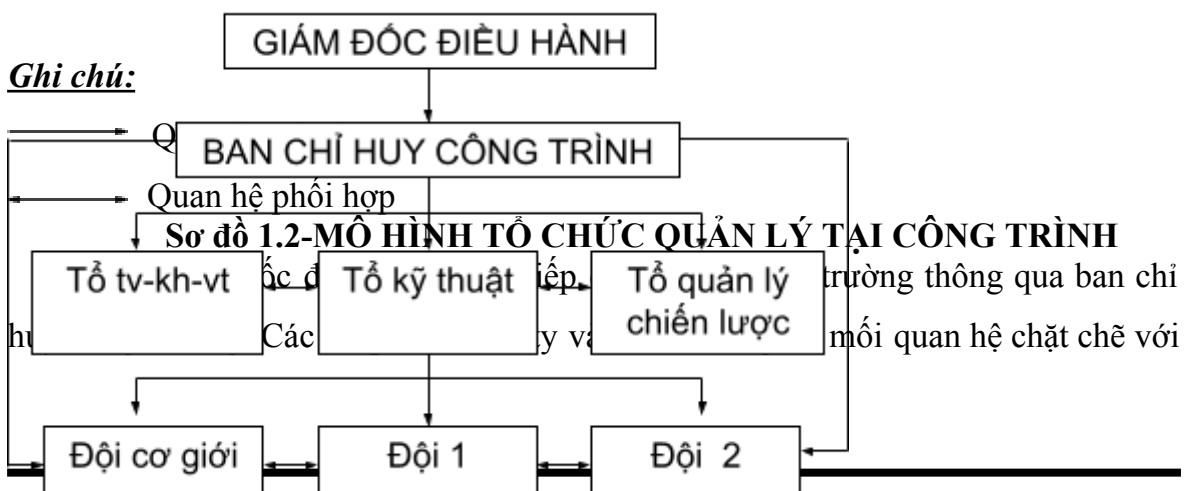


Sơ đồ 1.1: QUY TRÌNH THI CÔNG CÔNG TRÌNH

Các giai đoạn của quy trình thi công công trình:

- **Hồ sơ dự thầu:** khi nhận được thông tin mời thầu thì ban lãnh đạo Cty cùng các phòng ban phối hợp với nhau làm hồ sơ dự thầu bao gồm biện pháp thi công và dự toán thi công.

- **Biện pháp thi công:** mô tả công trình, quy mô và đặc điểm của công trình, đưa ra biện pháp thi công tổng hợp rồi sau đó đưa ra biện pháp thi công chi tiết.
- **Dự toán đấu thầu:**
 - Lập bảng dự toán chi tiết gồm có khối lượng, đơn giá vật liệu, nhân công, máy móc thi công.
 - Lập bảng vật tư và bù chênh lệch giá.
 - Lập bảng tính cước vận chuyển.
 - Từ bảng chi tiết trên lập bảng tổng hợp chi phí.
- **Tham gia đấu thầu:** Cử người đi tham gia đấu thầu
- **Ký kết hợp đồng kinh tế:** sau khi đã trúng thầu thì ký kết hợp đồng kinh tế bao gồm những điều khoản mà hai bên đã thỏa thuận.
- **Tiến hành thi công:** sau khi ký kết hợp đồng kinh tế thì lập ban chỉ huy công trường và tiến hành thi công.
- **Nghiệm thu từng giai đoạn:** thi công xong giai đoạn nào thì tiến hành nghiệm thu giai đoạn đó.
- **Nghiệm thu công trình:** sau khi tất cả các giai đoạn hoàn thành xong, tiến hành nghiệm thu toàn bộ công trình để đưa vào sử dụng.



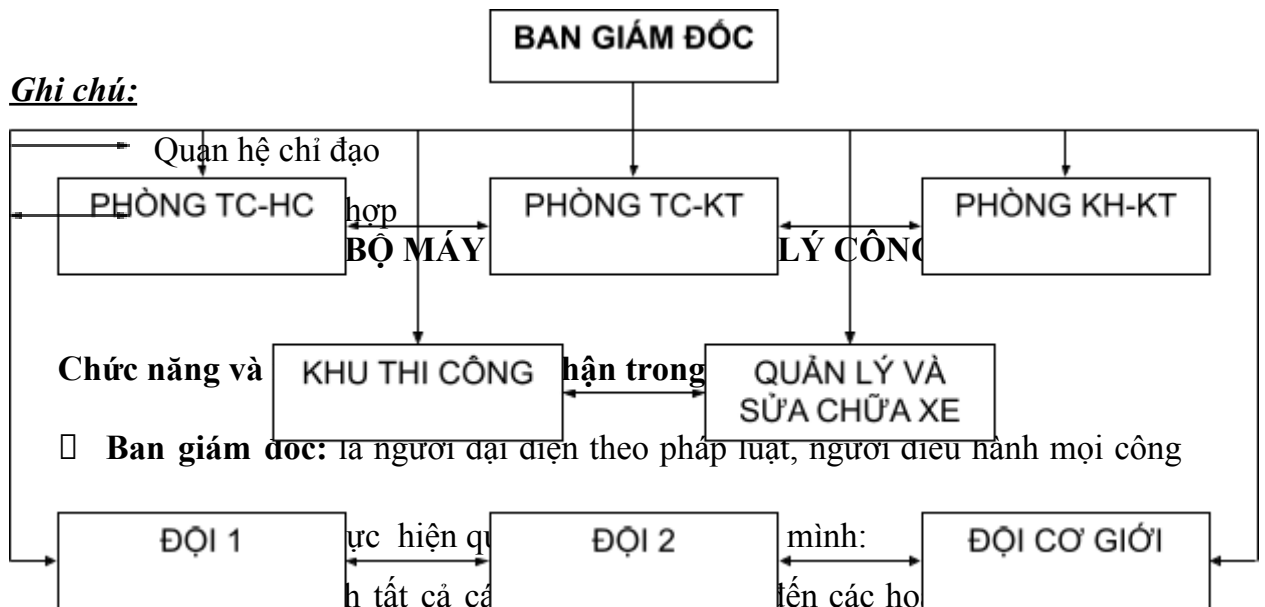
nhau thông qua ý kiến chỉ đạo trực tiếp của giám đốc và trực tiếp điều hành công việc thông qua ban chỉ huy công trường.

Trách nhiệm của ban chỉ huy công trường và các bộ phận của công trường:

- + Tổ chức chỉ đạo kỹ thuật và triển khai thi công trực tiếp hiện trường.
- + Đảm bảo tiến độ thi công và các yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế quy định để đạt hiệu quả và tiến độ tốt nhất.

- + Quản lý, hướng dẫn các đội thi công, tổ chức và quản lý công nhân thực hiện tốt công việc được giao, đảm bảo an toàn lao động.

1.4.2. Đặc điểm tổ chức quản lý



của Cty, chuẩn bị và tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, ký kết hợp đồng.

- Bố trí lại cơ cấu tổ chức, phương án sử dụng hoặc xử lý các khoản lỗ trong Cty.

□ **Phòng tổ chức – hành chính:** Tham mưu cho giám đốc Cty về việc tổ chức

tuyển dụng lao động, phân công sắp xếp nhân sự bố trí đều cho lao động trực tiếp cách tổ chức sản xuất. Giúp giám đốc theo dõi tình hình công tác Cty, thực hiện chế độ thi đua khen thưởng-kỷ luật trong nhân viên để có cơ sở trả lương hợp lý. Ngoài ra còn giúp giám đốc theo dõi tình hình công tác thực hiện chế độ chính sách tài liệu, công tác lưu trữ hồ sơ, công văn có liên quan.

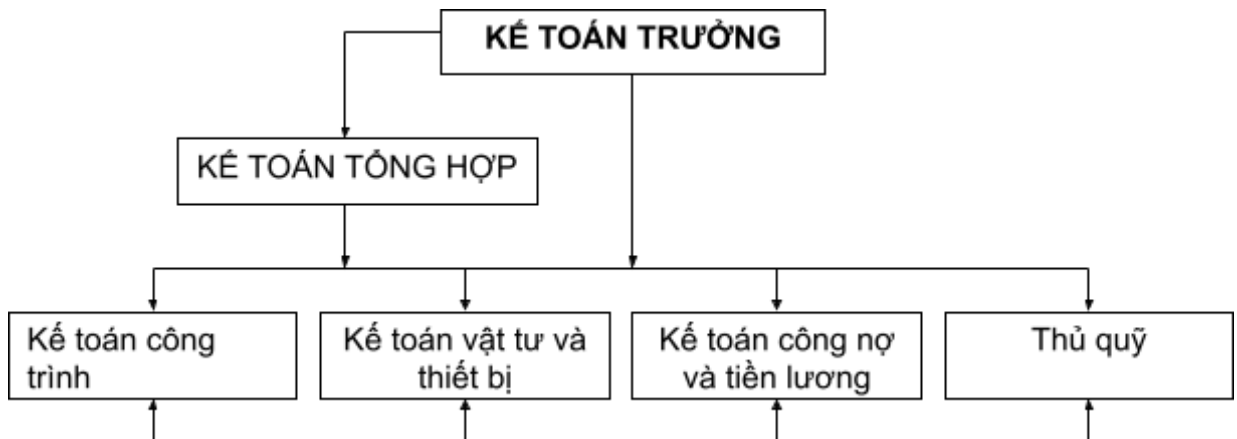
- **Phòng tài chính - kế toán:** Xây dựng kế hoạch tài chính, lập các dự toán trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của Cty. Phản ánh đúng và chính xác các nghiệp vụ phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Cty theo đúng pháp lệnh.
- **Phòng khoa học – kỹ thuật:** lập ra phương án thi công công trình, giám sát quá trình thi công, nghiệm thu từng giai đoạn và công trình để đảm bảo công trình đạt hiệu quả tiến độ và chất lượng tốt.
- **Khu thi công:** mỗi khu thi công trình có mỗi ban chỉ huy công trình để chỉ đạo thực hiện công trình.
- **Quản lý và sửa chữa xe:** chịu trách nhiệm quản lý mua bán, thanh lý các loại xe phục vụ thi công công trình.

1.5. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY

1.5.1. Mô hình tổ chức kế toán tại công ty

Tổ chức bộ máy kế toán là một trong những nội dung quan trọng hàng đầu trong tổ chức công tác của doanh nghiệp. Căn cứ vào khối lượng công việc và các nghiệp vụ phát sinh thì hiện tại Cty đang áp dụng tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Tất cả các công việc đều được thực hiện dưới sự chỉ đạo của kế toán trưởng và Cty hạch toán theo hình thức hạch toán độc lập.

1.5.2. Bộ máy kế toán của công ty



Ghi chú:

- Quan hệ chỉ đạo
 ←———— Quan hệ phối hợp

Sơ đồ 1.4- BỘ MÁY KẾ TOÁN CÔNG TY

Chức năng và nhiệm vụ từng bộ phận kế toán

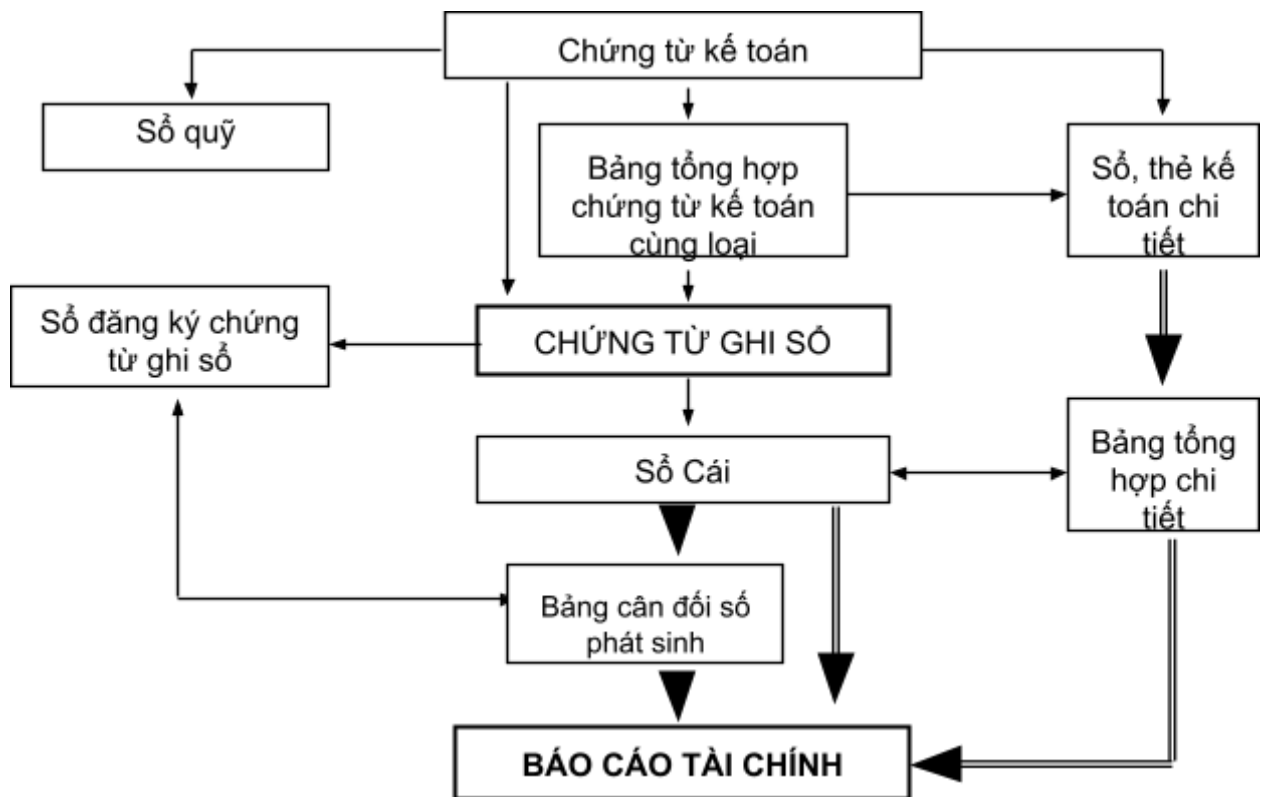
- **Kế toán trưởng:** là người có quyền điều hành toàn bộ công tác kế toán tài chính, có chức năng tổ chức công tác kế toán, tổ chức hình thức hạch toán, kiểm tra các chứng từ thu chi, thanh toán. Đồng thời phối hợp với kế toán tổng hợp làm công tác tổng hợp quyết toán, lập báo cáo quyết toán cuối năm.
- **Kế toán tổng hợp:** là người có trách nhiệm hướng dẫn tổng hợp, phân loại chứng từ, định khoản các nghiệp vụ phát sinh, lập sổ sách kế toán cho từng bộ phận của kế toán viên. Làm công tác trực tiếp tổng hợp quyết toán lập báo cáo.
- **Kế toán công trình:** có nhiệm vụ quản lý việc thu chi tại mỗi công trình, hướng dẫn công việc cho thủ kho và cùng thủ kho kiểm tra, quản lý, giám sát tình hình nhập-xuất-tồn vật tư, công cụ tại mỗi công trình. Định kỳ hai ngày một lần, kế toán công trình phải tập hợp các chứng từ thu-chi, phiếu nhập-xuất kho các loại vật tư có xác nhận của chỉ huy công trình gửi về

phòng tài chính- kế toán để kịp thời cập nhật, báo cáo định kỳ cho lãnh đạo Cty.

- **Kế toán vật tư và thiết bị:** thường xuyên tìm nguồn vật tư cũng như thiết bị phục vụ cho công trình ổn định, cập nhật giá cả kịp thời, tìm mối quan hệ hợp tác với khách hàng nhằm cung cấp đầy đủ vật tư cho công trình.
- **Kế toán công nợ và tiền lương:** theo dõi các khoản công nợ, các khoản thu chi tiền mặt tạm ứng, hoàn ứng cho các bộ phận trong Cty.
- **Thủ quỹ:** là người có trách nhiệm theo dõi tiền mặt cũng như tiền gửi ngân hàng của Cty, lập báo cáo về quỹ tiền mặt, tiền gửi và tiền vay tại ngân hàng.

1.5.3. Hình thức kế toán mà công ty đang áp dụng

Hiện tại Cty đang áp dụng hình thức “Chứng từ ghi sổ” để tổ chức ghi sổ các nghiệp vụ phát sinh.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Đối chiếu, kiểm tra 

Sơ đồ 1.5:

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN
CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp kế toán chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.
- Cuối kỳ, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập ra Bảng Cân đối sổ phát sinh.
- Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để làm Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối sổ phát sinh phải bằng nhau, và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối sổ phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng Tổng hợp chi tiết.

1.5.4. Chính sách kế toán tại Công ty

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
 - Đơn vị tiền tệ: VNĐ
 - Chế độ kế toán áp dụng: công tác hạch toán kế toán tại Cty được thực hiện theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của bộ trưởng Bộ tài chính.
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
-

-
- Phương pháp tính khấu hao: phương pháp đường thẳng.
 - Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: phương pháp khấu trừ
-

PHẦN II

THỰC HÀNH GHI SỔ KẾ TOÁN

2.1. TRÌNH TỰ GHI SỔ CỦA CÔNG TY

Cty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín áp dụng hình thức “Chứng từ ghi sổ” để hạch toán. Trong bài báo cáo này em xin trình bày các sổ và trình tự ghi sổ của Cty với phân hành kế toán NVL.

2.1.1. ĐẶC ĐIỂM, PHÂN LOẠI, TÍNH GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

2.1.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại Công ty

NVL là những đối tượng lao động mà khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh sẽ bị biến dạng hoặc tiêu hao hoàn toàn để cấu thành nên thực thể của sản phẩm.

Hiện nay hoạt động chủ yếu ở Cty là hoàn thành các công trình do Cty nhận thầu. Do vậy, Cty sử dụng một lượng lớn NVL và liên quan đến ngành xây dựng như: đá, xi măng, thép, sắt, cát... Vì dùng số lượng lớn nên Cty có thể phân loại chi tiết để dễ dàng trong việc quản lý và hạch toán.

2.1.1.2. Phân loại

- **Nguyên liệu, vật liệu chính:** xi măng, gạch, sắt, thép, cát, sạn, đá... đều là cơ sở chủ yếu hình thành nên sản phẩm của đơn vị xây dựng, các hạng mục công trình.
 - **Nguyên liệu, vật liệu phụ:** gồm sơn, dầu, mỡ phục vụ cho quá trình thi công
 - **Nhiên liệu:** Xăng, dầu cung cấp cho các phương tiện, máy móc thiết bị hoạt động trong quá trình thi công.
 - **Phụ tùng thay thế:** Các loại chi tiết phụ tùng thay thế các loại máy móc, máy cày, máy trộn bê tông và phụ tùng thay thế của xe ô-tô như mũi khoan, xăm, lốp ô-tô.
-

- **Phế liệu thu hồi:** Các đoạn sắt, thép thừa, các vỏ bao xi măng, tre, gỗ không dùng nữa trong quá trình thi công.

2.1.1.3. Tính giá nguyên vật liệu

- **Tính giá nguyên vật liệu nhập kho**

Hiện nay Cty đang áp dụng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nên tính giá NVL nhập kho được xác định như sau

Giá trị thực tế NVL mua vào	Trị giá mua của người bán (Chưa thuế GTGT)	Các chi phí liên quan vận chuyển, bốc dỡ (Chưa thuế GTGT)	Thuế nhập khẩu (nếu có)	Các khoản chiết khấu giảm giá (nếu có)
=	ghi trên hóa đơn	+	nhập	+
			khấu	chiết khấu

Ví dụ: theo hóa đơn ngày 05/06/2010 Cty mua 10 tấn xi-măng Hải Vân về nhập kho với đơn giá 960.000 đồng/tấn, thuế VAT 10%, chi phí vận chuyển xi-măng về nhập kho là 100.000 đồng. Vậy giá thực tế nhập kho 10 tấn xi-măng Hải Vân này được tính như sau:

$$\begin{aligned} &\text{Giá thực tế} \\ &10 \text{ tấn xi-măng} = 10 \times 960.000 + 100.000 = 9.700.000 \text{ đồng} \\ &\text{nhập kho} \end{aligned}$$

- **Tính giá nguyên vật liệu xuất kho**

Đặc điểm ngành xây dựng sử dụng các loại vật tư mua về nhập kho mà không thể quản lý theo từng lần nhập về số lượng như cát, đá... Vì sau mỗi lần nhập kho, NVL đã bị trộn lẫn số mới và số cũ nên hiện nay Cty đang áp dụng phương pháp tính giá bình quân cả kỳ dự trữ cho NVL xuất kho.

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân NVL xuất} &= \frac{\text{Giá trị NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Tổng giá trị NVL nhập trong kỳ}}{\text{Sản lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Tổng sản lượng NVL nhập trong kỳ}} \end{aligned}$$

$$\text{Giá thực tế NVL xuất trong kỳ} = \frac{\text{Số lượng NVL xuất kho}}{\text{Đơn giá bình quân NVL xuất kho}} \times \text{Đơn giá bình quân NVL xuất kho}$$

Ví dụ: Tồn đầu tháng của đá 2x4 là 163,5 m³ đơn giá 147.998,789đ/m³.

Tình hình trong tháng nhập 885 m³ đơn giá 150.000đ/m³

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{163,5 \times 146998,789 + 885 \times 150.000}{163,5 + 885} = 149.532\text{đ/m}^3$$

Theo phiếu xuất kho số 01 cần xuất 100 m³ để thi công công trình

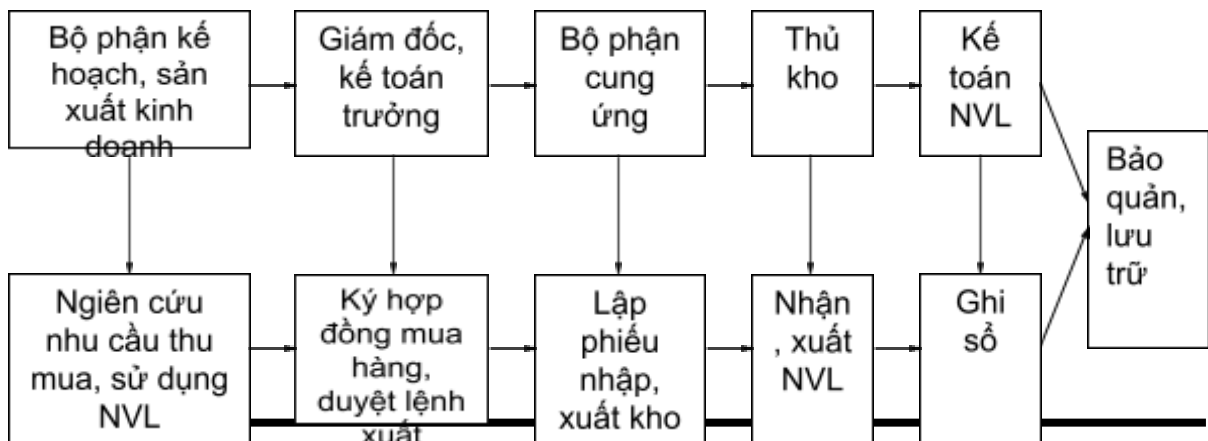
$$\text{Giá thực tế xuất } 100 \text{ m}^3 = 100 \times 149.532 = 149.532.200 \text{ đ}$$

Phương pháp này dễ tính nhưng đến cuối kỳ mới tính được đơn giá bình quân nên công việc tính giá thực tế NVL xuất kho làm ảnh hưởng đến việc tính giá thành công trình.

2.1.2. KẾ TOÁN CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

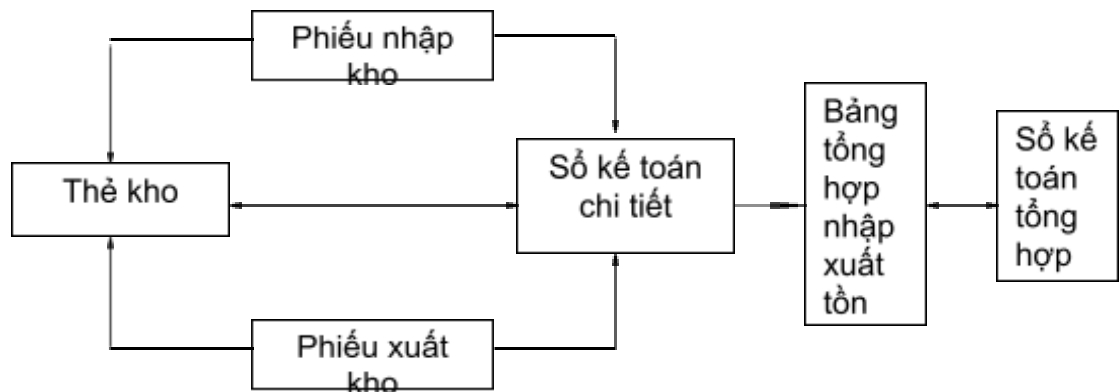
2.1.2.1. Quy trình, phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là việc theo dõi, ghi chép sự biến động nhập xuất tồn kho của từng thứ vật liệu sử dụng trong sản xuất kinh doanh nhằm cung cấp thông tin chi tiết để quản trị từng danh điểm vật tư. Công tác hạch toán chi tiết phải đảm bảo theo dõi được tình hình nhập xuất tồn kho theo chỉ tiêu hiện vật và giá trị của từng danh điểm vật tư, phải tổng hợp được tình hình luân chuyển và tồn của từng danh điểm theo từng kho, từng bãi.



Sơ đồ 2.1: QUY TRÌNH LẬP VÀ LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ VỀ NVL

Hiện nay, Cty đang áp dụng phương pháp thẻ song song để hạch toán chi tiết NVL.



Ghi chú:

————→ : Ghi hàng ngày

————→ : Ghi cuối kỳ

←———— : Đối chiếu

Sơ đồ 2.2: QUY TRÌNH HẠCH TOÁN THEO PHƯƠNG PHÁP THẺ SONG SONG

Tại kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật liệu ở từng kho theo chỉ tiêu số lượng.

Hàng ngày khi nhận được chứng từ nhập, xuất vật liệu, thủ kho tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi ghi sổ số thực nhập, thực xuất vào thẻ kho trên cơ sở các chứng từ đó.

Cuối tháng, thủ kho tính ra tổng số nhập, xuất và số tồn cuối kỳ của từng loại vật liệu trên thẻ kho và đối chiếu số liệu với kế toán chi tiết vật tư.

Tại phòng kế toán: Kế toán mở sổ hoặc thẻ chi tiết vật liệu ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn của từng loại vật liệu cả về hiện vật và giá trị. Hàng ngày, sau khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho vật liệu do thủ kho nộp, kế toán kiểm tra ghi đơn giá, tính thành tiền và phân loại chứng từ và vào sổ chi tiết vật liệu.

Cuối kỳ kế toán tiến hành cộng sổ và tính ra số tồn kho cho từng loại vật liệu, đồng thời tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết vật liệu với thẻ kho tương ứng. Căn cứ vào các sổ kế toán chi tiết vật liệu kế toán lấy số liệu để ghi vào Bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật liệu.

2.1.2.2. Kế toán tăng nguyên vật liệu**Chứng từ sử dụng**

- Giấy đề nghị mua vật tư
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản kiểm tra vật tư
- Phiếu nhập kho

Căn cứ yêu cầu vật tư cần để sử dụng, phòng kế hoạch lập giấy đề nghị nhập vật tư có chữ ký của kế toán trưởng, giám đốc.

Công ty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**
VIỆT NAM
Tổ 45 - KDC An Hòa - Khuê Trung - Cẩm Lệ Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ NHẬP VẬT TƯ

Họ và tên: Nguyễn Văn Biên

Bộ phận công tác: Phòng kế hoạch

Lý do: Thi công công trình Cẩm Lệ

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
01	Đá 1x2	m ³	50	
02	Đá 2x4	m ³	90	

Kính mong lãnh đạo xem xét và duyệt.

Trưởng phòng KT-KH

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Sau khi Giám đốc duyệt yêu cầu nhập vật tư, khi mua vật tư sẽ nhận được hóa đơn GTGT.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 02 tháng 06 năm 2010			Mẫu số 01 GTKL-3LL CU/2010N 0038729		
Đơn vị bán hàng:		Công ty TNHH Vật Liệu Xây Dựng Đại Phước Long			
Địa chỉ:		Tổ 5, Hòa Thọ Đông, Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng			
Số tài khoản:					
Điện thoại:		MS 04 00648187			
Họ tên người mua:					
Tên đơn vị:		Công ty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín			
Địa chỉ:		Tổ 45 - KDC An Hòa - Khuê Trung - Cẩm Lệ			
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán:		Chuyển khoản MS 04 00450740			
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1 x 2
01	Đá 2x4	m ³	90	150.000	13.500.000
02	Đá 1x2	m ³	50	170.000	8.500.000
Cộng tiền hàng:					22.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		2.200.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					24.200.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi bốn triệu hai trăm ngàn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	

Khi vật tư về kho, tiến hành lập biên bản kiểm nghiệm vật tư như sau

Công ty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín

Mẫu số 03-VT

Tổ 45 - KDC An Hòa - Khuê Trung - Cẩm Lệ

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ BTC ngày 14/9/2006 của BTC)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Ngày 02 tháng 06 năm 2010

Căn cứ HĐ số 0038729 ngày 02 tháng 06 năm 2010

Ban kiểm nghiệm gồm:

- Ông/ Bà: Bùi Đức Việt Chỉ huy trưởng công trình Cẩm Lệ Trưởng ban
- Ông/ Bà: Phan Thị Bích Thủy Kế toán công trình Cẩm Lệ Ủy viên
- Ông/ Bà: Võ Quang Thắng Thủ kho công trình Cẩm Lệ Ủy viên
- Ông/ Bà: Hồ Anh Tín Bên giao hàng Ủy viên

Phương thức kiểm nghiệm: Kiểm tra đo đếm thực tế số lượng, chất lượng.

Đã tiến hành kiểm nghiệm các loại vật tư sau:

Stt	Tên vật tư	Mã số	Đ V T	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
					Số đúng quy cách	Số sai quy cách	
01	Đá 2x4	DA02	m ³	90	90	0	
02	Đá 1x2	DA01	m ³	50	50	0	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Đạt yêu cầu

Bên giao hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ kho

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng ban

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm nghiệm vật tư đạt yêu cầu, lập phiếu nhập kho

Công ty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín

Mẫu số 01-VT

Tổ 45 – KDC An Hòa – Khuê Trung – Cẩm Lệ

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ BTC
ngày 14/9/2006 của BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 02 tháng 06 năm 2010

Nợ TK 152

Số: 001

Có Tk 112

Họ và tên người giao hàng: Công ty TNHH Vật Liệu Xây Dựng Đại Phước Long

Theo HĐ số 0038729 ngày 02 tháng 06 năm 2010

Nhập tại kho: Công trình Cẩm Lệ

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhận		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Đá 2x4	DA02	m ³	90	90	150.000	13.500.000
02	Đá 1x2	DA01	m ³	50	50	170.000	8.500.000
	Cộng						22.000.000
	VAT 10%						2.200.000
	Tổng cộng						24.200.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai mươi bốn triệu hai trăm ngàn đồng chẵn.

Ngày 02 tháng 06 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán	Người nhận	Thủ kho
(Ký, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên, liên 1 giữ lại cuốn để lưu, liên 2 giao cho thủ kho ghi thẻ, sau đó chuyển cho kế toán vật tư để ghi sổ, và người giao hàng giữ liên 3.

2.1.2.3. Kế toán giảm nguyên vật liệu**Chứng từ sử dụng**

- Giấy đề nghị xuất vật tư
- Phiếu xuất kho

Dựa vào nhu cầu vật tư để thi công công trình, phòng kế hoạch lập giấy đề nghị xuất vật tư.

Công ty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Tổ 45 - KDC An Hòa - Khuê Trung - Cẩm Lệ

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ XUẤT VẬT TƯ

Họ và tên: Nguyễn Văn Biên

Bộ phận công tác: Phòng kế hoạch

Lý do: Thi công công trình Cẩm Lệ

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
01	Đá 1x2	m ³	40	
02	Đá 2x4	m ³	100	

Kính mong lãnh đạo xem xét và duyệt.

Trưởng phòng KT-KH

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Căn cứ giấy đề nghị xuất vật tư đã được lãnh đạo duyệt, tiến hành xuất vật tư cùng với việc lập phiếu xuất kho.

Công ty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín

Mẫu số 02-VT

Tổ 45 - KDC An Hòa - Khuê Trung - Cẩm Lệ

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ BTC ngày 14/9/2006 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 09 tháng 06 năm 2010

Nợ TK 154

Số: 01

Có TK 152

Họ và tên người nhận: Nguyễn Chí Cường

Lý do xuất kho: Thi công công trình Cẩm Lệ

Xuất tại kho: Công trình Cẩm Lệ

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Đá 2x4	DA02	m ³	100	100	149.532	14.953.200
02	Đá 1x2	DA01	m ³	40	40	168.321,4	6.732.856
	Cộng						21.686.056

Cộng thành tiền (viết bằng chữ): Hai mươi một triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn không trăm bảy mươi sáu đồng chẵn

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán

Người nhận

Thủ kho

(Ký, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Phiếu xuất kho do kế toán vật tư lập trình lên cho giám đốc duyệt xuất và chuyển cho thủ kho để làm thủ tục xuất kho. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên,

liên 1 giữ lại cuốn để lưu, liên 2 giao cho thủ kho ghi thẻ, sau đó chuyển cho kế toán vật tư để ghi sổ, và người nhận vật tư giữ liên 3.

Căn cứ phiếu nhập-xuất kho, thủ kho lập thẻ kho cho từng loại vật liệu

Công ty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín

Mẫu số S09-DNN

Tổ 45 - KDC An Hòa - Khuê Trung - Cẩm Lệ

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ BTC ngày 14/9/2006 của BTC)

THẺ KHO

Tháng 6/2010

Kho hàng: Công trình Cẩm Lệ

Vật tư: DA02 – Đá 2 x 4

S T T	Ngày ghi sổ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
A	B	C	D	E	F	1	2	3
				<u>Tồn đầu kỳ</u>				<u>163,5</u>
1	02/06	PN01		Nhập kho đá 2x4	02/06	90		253,5
2	06/06	PN19		Nhập kho đá 2x4	06/06	495		748,5
3	09/06		PX01	Xuất kho đá 2x4	09/06		100	648,5
4	10/06		PX06	Xuất kho đá 2x4	10/06		130	518,5
5	17/06		PX15	Xuất kho đá 2x4	17/06		200	318,5
6	22/06		PX28	Xuất kho đá 2x4	22/06		150	168,5
7	27/06	PN24		Nhập kho đá 2x4	27/06	300		468,5
8	30/06		PX35	Xuất kho đá 2x4	30/06		200	268,5
				Cộng phát sinh		885	780	
				<u>Tồn cuối kỳ</u>				<u>268,5</u>

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Thủ kho

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín

Mẫu số S09-DNN

Tổ 45 - KDC An Hòa - Khuê Trung - Cẩm Lệ

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ BTC ngày 14/9/2006 của BTC)

THẺ KHO

Tháng 6/2010

Kho hàng: Công trình Cẩm Lệ

Vật tư: DA01 – Đá 1 x 2

S T T	Ngày ghi sổ	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
A	B	C	D	E	F	1	2	3
				Tồn đầu kỳ				135
1	02/06	PN01		Nhập kho đá 1x2	02/06	50		185
2	06/06	PN19		Nhập kho đá 1x2	03/06	50		235
3	09/06		PX01	Xuất kho đá 1x2	09/06		40	195
4	10/06		PX06	Xuất kho đá 1x2	10/06		75	120
5	17/06		PX15	Xuất kho đá 1x2	17/06		30	90
6	22/06		PX28	Xuất kho đá 1x2	22/06		45	45
7	27/06	PN24		Nhập kho đá 1x2	27/06	100		145
8	30/06		PX35	Xuất kho đá 1x2	30/06		50	95
				Cộng phát sinh		200	240	
				Tồn cuối kỳ				95

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Sau khi dùng phiếu nhập kho, xuất kho xong, thủ kho chuyển phiếu nhập kho, xuất kho về cho kế toán vật tư tại phòng kế toán để vào sổ chi tiết vật tư.

Công ty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín

Mẫu số S07-DNN

Tổ 45 - KDC An Hòa - Khuê Trung - Cẩm Lệ

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ BTC ngày 14/9/2006 của BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ

Tháng 6/2010

Tài khoản: 152 – Tại kho: Công trình Cẩm Lệ

Tên vật liệu: DA02 – Đá 2x4

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		<u>Tồn đầu kỳ</u>							<u>163,5</u>	<u>24.034.302</u>
PN01	2/6	Nhập kho đá 2x4	112	150.000	90	13.500.000			253,5	37.534.500
PN19	6/6	Nhập kho đá 2x4	112	150.000	495	74.250.000			748,5	111.784.500
PX01	9/6	Xuất kho đá 2x4	154	149.532			100	14.953.220	648,5	96.971.502
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng phát sinh			885	132.750.000	780	116.634.960		
		<u>Tồn cuối kỳ</u>		<u>149.532</u>					<u>268,5</u>	<u>40.149.342</u>

Ngày 30 tháng 06 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi họ tên)

(Ký, ghi họ tên)

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín**Mẫu số S07-DNN**

Tổ 45 - KDC An Hòa - Khuê Trung - Cẩm Lệ

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ BTC ngày 14/9/2006 của BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ

Tháng 6/2010

Tài khoản: 152 – Tại kho: Công trình Cẩm Lệ

Tên vật liệu: DA01 – Đá 1x2

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		<u>Tồn đầu kỳ</u>							<u>135</u>	<u>22.387.669</u>
PN01	2/6	Nhập kho đá 1x2	331	170.000	50	8.500.000			185	30.887.669
PN19	6/6	Nhập kho đá 1x2	331	170.000	50	8.500.000			235	39.387.669
PX01	9/6	Xuất kho đá 1x2	154	168.321,4			40	6.732.856	195	32.654.813
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng phát sinh			200	34.000.000	240	40.397.136		
		<u>Tồn cuối kỳ</u>		<u>168.321,4</u>					<u>95</u>	<u>15.990.533</u>

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu*(Ký, ghi họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, ghi họ tên)***Giám đốc***(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)***2.1.3. KẾ TOÁN TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU****Công ty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín**

Tổ 45 - KDC An Hòa - Khuê Trung - Cẩm Lệ

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

TK: 152 – Nguyên vật liệu - Tháng 06/2010

Tại kho: Công trình Cẩm Lệ

Mã	Tên VL	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
DA01	Đá 1x2	m ³	135	22.387.669	200	34.000.000	240	40.397.136	95	15.990.533
DA02	Đá 2x4	m ³	163,5	24.034.302	885	132.750.000	780	116.634.960	268,5	40.149.342
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
	Cộng			6.944.244.168		9.175.473.848		12.093.438.181		4.026.279.835

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu*(Ký, ghi họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, ghi họ tên)***Giám đốc***(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)*

Công ty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín

Tổ 45 - KDC An Hòa - Khuê Trung - Cẩm Lệ

BẢNG KÊ CHI TIẾT NHẬP VẬT TƯ GHI CÓ TÀI KHOẢN 112**Tháng 06/2010**

Chứng từ		Nội dung	Ghi Có TK 112	Ghi Nợ TK	
SH	NT			152	133
PN01	02/06	Nhập đá 1x2	9.350.000	8.500.000	850.000
PN01	02/06	Nhập đá 2x4	14.850.000	13.500.000	1.350.000
...	...	...	...	...	...
		Cộng phát sinh		9.175.473.848	917.547.385

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín

Tổ 45 - KDC An Hòa - Khuê Trung - Cẩm Lệ

BẢNG KÊ CHI TIẾT XUẤT VẬT TƯ GHI NỢ TÀI KHOẢN 154**Tháng 06/2010**

Chứng từ		Nội dung	Nợ TK 154 Có TK 152
SH	NT		
PN01	02/06	Xuất kho đá 1x2	6.732.856
PN01	02/06	Xuất kho đá 2x4	14.953.220
...	...	...	
		Cộng phát sinh	12.093.438.181

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín**Mẫu số S02a-DN**

Tổ 45 - KDC An Hòa - Khuê Trung - Cẩm Lệ

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ BTC
ngày 14/9/2006 của BTC)**CHỨNG TỪ GHI SỔ SỐ 45**

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Nhập kho NVL đã thanh toán bằng chuyển khoản	152	112	9.175.473.848
Tổng cộng			9.175.473.848

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập

(Ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Công ty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín**Mẫu số S02a-DN**

Tổ 45 - KDC An Hòa - Khuê Trung - Cẩm Lệ

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ BTC
ngày 14/9/2006 của BTC)**CHỨNG TỪ GHI SỔ SỐ 46**

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
Xuất kho NVL thi công công trình	154	152	12.093.438.181
Tổng cộng			12.093.438.181

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập

(Ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Công ty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín**Mẫu số S02b-DN****Tổ 45 - KDC An Hòa - Khuê Trung - Cẩm Lệ**(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ BTC
ngày 14/9/2006 của BTC)**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng		
45	30/06/2010	9.175.473.848	
46	30/06/2010	12.093.438.181	
Cộng tháng 06/2010		21.268.912.029	

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, ghi họ tên)

(Ký, ghi họ tên)

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín

Mẫu số S02c1-DN

Tổ 45 - KDC An Hòa - Khuê Trung - Cẩm Lệ

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ BTC ngày 14/9/2006 của BTC)

SỔ CÁI

Tháng 06/2010

Tài khoản: 152-Nguyên vật liệu

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu tháng 06</u>		<u>6.944.244.168</u>	
30/06	45	30/06	Nhập NVL thanh toán bằng chuyển khoản	112	9.175.473.848	
30/06	46	30/06	Xuất NVL thi công công trình	154		12.093.438.181
			Công phát sinh		9.175.473.848	12.093.438.181
			<u>Số dư cuối tháng 06</u>		<u>4.026.279.835</u>	

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

2.2. TỔ CHỨC SỔ VÀ GHI CHÉP VÀO SỔ THEO CÁC HÌNH THỨC CÒN LẠI

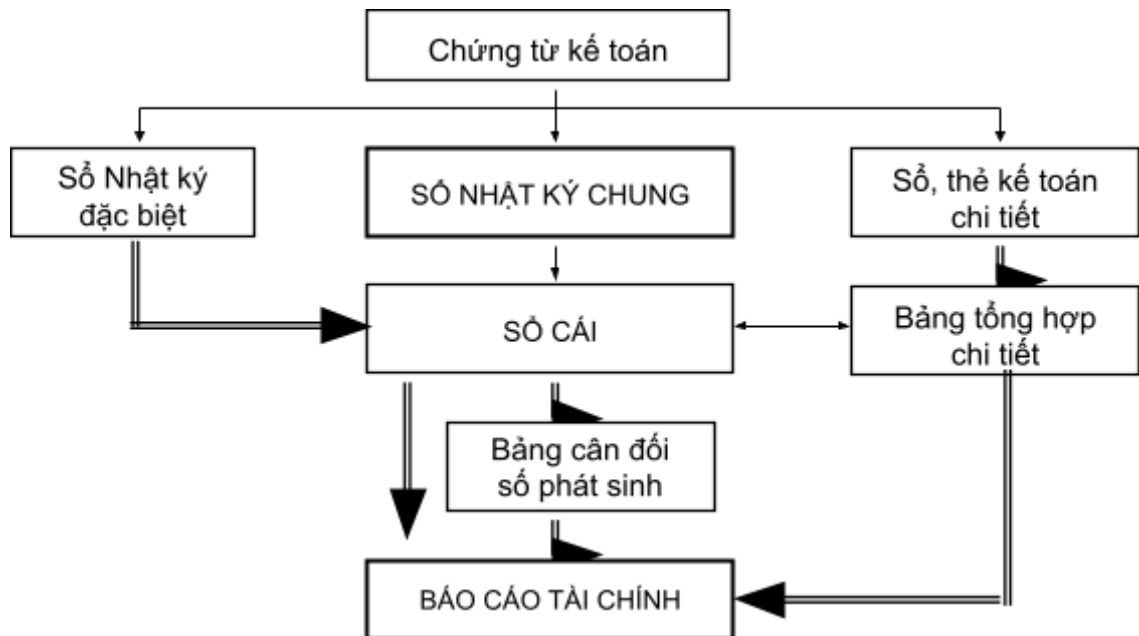
2.2.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

2.2.1.1. Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



2.2.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hàng ngày 

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ 

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra 

Sơ đồ 2.3: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN

THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG

(a) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi

đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

(b) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

2.2.1.3. Tổ chức ghi sổ theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Công ty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín

Mẫu số S03a-DNN

Tổ 45 - KDC An Hòa - Khuê Trung - Cẩm Lệ

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ BTC ngày
14/9/2006 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 06/2010 - Trang số 1/1

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	Số TT dòng	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
02/ 06	PN01	02/ 06	Nhập kho đá 1x2	R	1	152	8.500.000	
					2	133	850.000	
					3	112		9.350.000
02/ 06	PN01	02/ 06	Nhập kho đá 2x4	R	4	152	13.500.000	
					5	133	1.350.000	
					6	112		14.850.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
09/ 06	PX01	09/ 06	Xuất kho đá 1x2	R	13	154	6.732.856	
					14	152		6.732.856
09/ 06	PX01	09/ 06	Xuất kho đá 2x4	R	15	154	14.953.220	
					16	152		14.953.220
...	...	...	...		...	...	...	...
<u>Cộng phát sinh</u>							<u>10.093.021.</u> <u>232</u>	<u>10.093.021.</u> <u>232</u>

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín

Mẫu số S03b-DNN

Tổ 45 - KDC An Hòa - Khuê Trung - Cẩm Lệ

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ BTC ngày 14/9/2006 của BTC)

SỔ CÁI

Tháng 06/2010

Tài khoản: 152-Nguyên vật liệu

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			<u>Số dư đầu tháng 06</u>				<u>6.944.244.168</u>	
02/06	PN01	02/06	Nhập kho đá 1x2	1	3	112	9.350.000	
02/06	PN01	02/06	Nhập kho đá 2x4	1	6	112	14.850.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
09/06	PX01	09/06	Xuất kho đá 1x2	1	13	154		6.732.856
09/06	PX01	09/06	Xuất kho đá 2x4	1	15	154		14.953.220
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Công phát sinh				9.175.473.848	12.093.438.181
			<u>Số dư cuối tháng 06</u>				<u>4.026.279.835</u>	

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

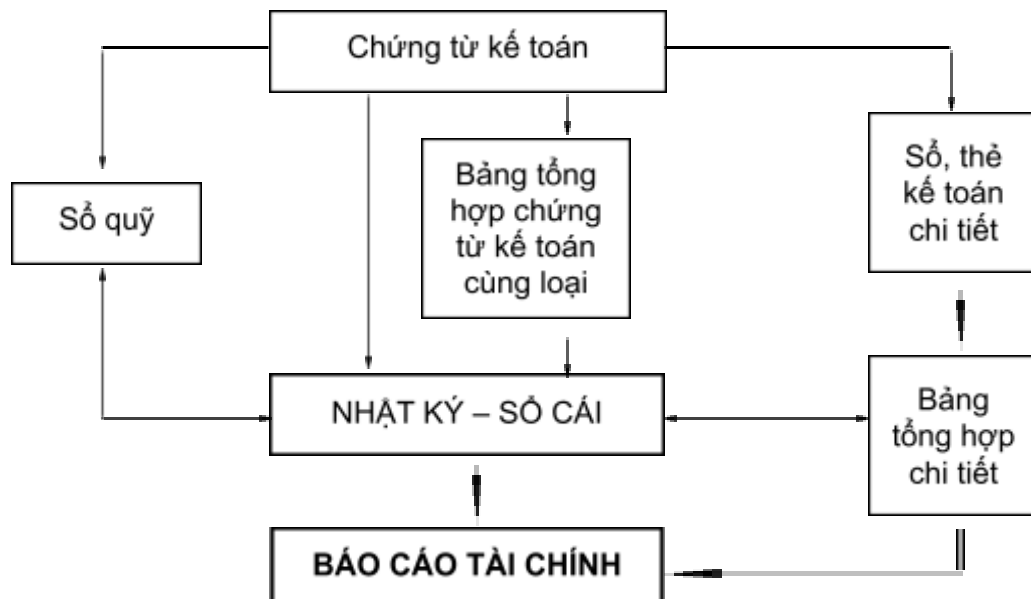
2.2.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

2.2.2.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái



Ghi chú:

- | | |
|---------------------|-------|
| Ghi hàng ngày | ————→ |
| Ghi cuối tháng | ————→ |
| Đối chiếu, kiểm tra | ←———— |

Sơ đồ 2.4

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ - SỔ CÁI

(a) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(b) Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng (trong quý) kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

(c) Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Tổng số tiền của cột} & & \text{Tổng số phát sinh} & & \\ \text{"Phát sinh" ở phần} & = & \text{Nợ của tất cả các} & = & \text{Tổng số phát sinh Có} \\ \text{Nhật ký} & & \text{Tài khoản} & & \text{của tất cả các Tài khoản} \end{array}$$

$$\text{Tổng số dư Nợ các Tài khoản} = \text{Tổng số dư Có các tài khoản}$$

(d) Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khoá sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khoá sổ của các đối tượng lập "Bảng tổng hợp chi tiết" cho từng tài khoản. Số

liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

Số liệu trên Nhật ký - Sổ Cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

2.2.2.3. Tổ chức ghi sổ theo hình thức kế toán “Nhật ký-Sổ cái”

Công ty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín

Mẫu số S01-DNN

Tổ 45 - KDC An Hòa - Khuê Trung - Cẩm Lệ

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ BTC ngày 14/9/2006 của BTC)

NHẬT KÝ – SỔ CÁI

Tháng 06/2010

Chứng từ		Diễn giải	Số tiền	TK152		TK133		TK154		TK112	
SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
		Dư đầu tháng		6.944.244.168		740.526.114		4.376.127.005		139.514.596	
PN01	02/06	Nhập đá 1x2	9.350.000	8.500.000		850.000					9.350.000
PN01	02/06	Nhập đá 2x4	14.850.000	13.500.000		1.350.000					14.850.000
PN19	06/06	Nhập đá 1x2	9.350.000	8.500.000		850.000					9.350.000
PN19	06/06	Nhập đá 2x4	81.675.000	74.250.000		7.425.000					81.675.000
PX01	09/06	Xuất đá 1x2	6.732.856		6.732.856			6.732.856			
PX01	09/06	Xuất đá 1x2	14.953.220		14.953.220			14.953.220			
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng phát sinh		9.175.473.848	12.093.438.181	696.452.709		14.141.913.755		18.301.890.000	17.484.402.072
		Dư cuối tháng		4.026.279.835		1.436.978.823		18.518.040.760		957.002.524	

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

PHẦN III

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẬN XÉT VỀ HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY VÀ CÁC HÌNH THỨC CÒN LẠI

3.1. MỘT SỐ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY

Điều dễ dàng nhận thấy ở Cty là cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý các phòng ban chức năng gọn nhẹ phù hợp với đặc điểm quy mô hoạt động của Cty, phục vụ tốt quá trình sản xuất kinh doanh. Các phòng ban chức năng được quy định những nhiệm vụ rõ ràng, phục vụ kịp thời và đáp ứng được những yêu cầu của quản lý nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Cty.

Mô hình kinh doanh của Cty rất phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Cty áp dụng cơ chế khoán xuống từng tổ, đội thi công nhằm mục đích với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Cty áp dụng cơ chế khoán xuống từng tổ, đội thi công có trách nhiệm và quan tâm đến kết quả sản xuất kinh doanh của mình, cơ chế khoán gắn được với lao động bỏ ra những hưởng thụ nhận được tạo cho người công nhân trong Cty có trách nhiệm tìm tòi suy nghĩ để làm sao đạt được hiệu quả sản xuất cao nhất.

Cùng với sự lớn mạnh của Cty, bộ máy kế toán của Cty được tổ chức phù hợp với yêu cầu của công việc, khả năng trình độ chuyên môn của từng kế toán phù hợp với đặc điểm, tính chất, quy mô sản xuất kinh doanh, sử dụng vốn, kinh phí và sự phân cấp quản lý tài chính ở Cty nhằm đáp ứng nhu cầu về thông tin cho lãnh đạo Cty.

Với hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung như hiện nay đã đảm bảo thống nhất tập trung đối với công tác kế toán trong Cty, đảm bảo cho kế toán phát huy được vai trò và chức năng của mình, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân công lao động, chuyên môn hoá của các cán bộ kế toán. Cty có đội ngũ kế toán giàu kinh nghiệm và trình độ kế toán của từng người vững vàng đáp ứng yêu cầu quản lý và hạch toán kế toán theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước. Việc vận dụng hệ

thống tài khoản kế toán cũng như thay đổi sổ sách chứng từ theo chế độ kế toán được tiến hành kịp thời và thích ứng rất nhanh.

Qua một thời gian tìm hiểu thực tế công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu ở Cty kết hợp với những kiến thức đã được trang bị ở trường, em xin nhận xét một số ưu điểm và những hạn chế cần khắc phục như sau:

□ **Ưu điểm:**

- Về công tác hạch toán vật liệu, công cụ dụng cụ, kế toán Cty đã tổ chức hạch toán vật liệu theo từng công trình, hạng mục công trình, trong từng tháng, từng quý rõ ràng. Một năm Cty hạch toán vào 4 quý, một quý 3 tháng được hạch toán một cách đơn giản, phục vụ tốt yêu cầu quản lý vật liệu, công cụ dụng cụ.

- Về tổ chức kho bảo quản:

Nhằm đảm bảo không bị hao hụt, Cty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín hiện xây dựng mỗi công trình là một kho bảo quản vật liệu. Như vậy đã giúp cho kế toán thuận tiện hơn trong quá trình hạch toán giúp cho việc kiểm tra quá trình thu mua, dự trữ và bảo quản, sử dụng dễ dàng hơn.

- Về hình thức tổ chức công tác kế toán tập trung:

Sẽ tạo điều kiện để kiểm tra chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo doanh nghiệp đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như công tác kế toán của doanh nghiệp. Ngoài ra, hình thức này còn thuận tiện trong việc phân công và chuyên môn hoá công việc đối với cán bộ kế toán cũng như việc trang bị các phương tiện, kỹ thuật tính toán, xử lý thông tin.

- Việc đánh giá thực tế vật liệu nhập, xuất kho có tác dụng:

Thông qua giá thực tế của vật liệu biết được chi phí thực tế NVL trong sản xuất, phản ánh đầy đủ chi phí vật liệu, CCDC trong giá thành của sản phẩm, xác định đúng đắn chi phí đầu vào, biết được tình hình thực hiện định mức tiêu hao vật

liệu, CCDC. Thông qua đó biết được hao phí lao động quá khứ trong giá thành của sản phẩm.

□ **Hạn chế:**

Việc tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán vật liệu nói riêng tại Cty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín còn có một số hạn chế cần được khắc phục:

- Việc tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ là rất cần thiết, nhưng do yêu cầu thị trường hiện nay, mỗi công trình được Cty xây dựng là phải đảm bảo chất lượng, tiến độ thi công nhanh, hạ giá thành, từng công trình hoàn thành bàn giao có giá trị lớn, nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lúc đó một kế toán và một thủ kho kiêm thủ quỹ là số ít. Có thể trong cùng thời gian một đội, Cty thi công từ 1 đến 2 công trình, địa bàn nằm ở khác nhau. Do vậy việc bố trí gọn nhẹ này làm cho công tác kế toán vật liệu, CCDC ở các đội, Cty thi công nhiều công trình là thiếu chính xác, chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý nói chung và hạch toán chi phí vật liệu, CCDC nói riêng, vấn đề này phòng kế toán Cty và giám đốc cần sớm quan tâm giải quyết sao cho hài hoà đảm bảo đúng quy định về tổ chức công tác kế toán.

- Việc phân loại NVL, CCDC ở Cty không tiến hành. Hiện nay, Cty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính nên số lượng vật liệu, CCDC hạch toán được ký hiệu bởi từng mã vật tư khác nhau và Cty chưa lập sổ danh điểm vật liệu, CCDC.

3.2. NHẬN XÉT HÌNH THỨC KẾ TOÁN MÀ CÔNG TY ĐANG ÁP DỤNG VÀ CÁC HÌNH THỨC CÒN LẠI

3.2.1. Hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ” công ty đang áp dụng

□ **Đặc điểm:**

Phù hợp với các DN nói chung và Cty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín nói riêng khi số nghiệp vụ nhiều, nhiều đến mức phải phân loại nghiệp vụ kinh tế cùng loại, vì vậy phải tập hợp chứng từ cùng loại vào bảng kế, hoặc từ chứng từ cùng loại vào CTGS.

Tách rời trình tự ghi sổ theo trật tự thời gian với trình tự ghi sổ phân loại theo hệ thống toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong kỳ vào hai sổ tổng hợp riêng biệt là sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái. Cuối tháng phải lập bảng cân đối các tài khoản để kiểm tra tính chính xác của việc ghi chép kế toán tổng hợp.

□ **Ưu điểm:**

CTGS dùng để ghi các chứng từ vào đó, nếu chứng từ phát sinh quá nhiều, có thể lập bảng kê chứng từ cùng loại trước, lấy số cộng để ghi CTGS, rồi lấy số liệu cộng ở CTGS ghi vào sổ cái, như vậy giảm được rất nhiều việc ghi chép vào sổ cái, vì vậy nhìn sổ cái không bị rối.

Dễ làm, dễ hiểu, thuận lợi cho việc phân công lao động kế toán, dễ ghi chép nên phù hợp với cả điều kiện kế toán thủ công và kế toán máy.

□ **Nhược điểm:**

Đòi hỏi kế toán viên, kế toán trưởng phải đối chiếu khớp đúng số liệu giữa CTGS với CTGS khác do các đồng nghiệp khác, ở phần hành kế toán khác lập trước khi ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và ghi vào sổ cái. Trình độ kế toán viên phải tương đối đồng đều.

Tuy hình thức này khá phù hợp nhưng việc ghi chép dễ trùng lặp, khối lượng ghi chép nhiều, khó quản lý sổ sách công việc kiểm tra dồn vào cuối kỳ nên việc tính toán rất vất vả và bận rộn làm ảnh hưởng đến thời hạn lập và gửi báo cáo kế toán.

3.2.2. Hình thức Nhật ký chung

□ **Đặc điểm:**

Phù hợp với các DN có số nghiệp vụ phát sinh trong kỳ tương đối, không nhiều cũng không ít, vừa cho các DN có từ 2 - 3 kế toán.

Tách rời trình tự ghi sổ theo trật tự thời gian với trình tự ghi sổ phân loại theo hệ thống toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong kỳ vào hai sổ tổng hợp riêng biệt là sổ nhật ký chung và sổ cái.

□ **Ưu điểm:**

Hình thức này rõ ràng, dễ hiểu, mẫu sổ đơn giản nên rất thuận lợi cho việc phân công tổ chức kế toán, thuận lợi cho việc áp dụng máy tính.

Theo hình thức này, tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thứ tự thời gian sẽ được ghi vào sổ nhật ký chung. Số liệu trên Nhật ký chung là căn cứ ghi vào Sổ cái nên việc quản lý sổ sách đơn giản.

□ **Nhược điểm:**

Tổng hợp phát sinh bên Nợ và bên Có của sổ Nhật ký chung là số liệu tổng của các tài khoản chứ không chi tiết cho tài khoản nào, do đó gây khó khăn cho việc kiểm tra hay tổng hợp số liệu cho từng tài khoản, việc đối chiếu khó khăn và ít có căn cứ để xem xét sai sót.

3.2.3. Hình thức Nhật ký-Sổ cái

□ **Đặc điểm:**

Phù hợp với các DN nhỏ có số tài khoản cũng như số nghiệp vụ phát sinh trong kỳ ít, chỉ cần một hoặc 2 kế toán.

Theo hình thức này, toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như tài khoản mà doanh nghiệp sử dụng sẽ được ghi hết trong một sổ tổng hợp duy nhất theo trình tự thời gian và theo hệ thống từng đối tượng gọi là sổ “Nhật ký-Sổ cái”.

□ **Ưu điểm:**

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ đều nằm gọn trong một cuốn sổ duy nhất là sổ “Nhật ký-Sổ cái”. Chỉ cần một kế toán trực tiếp ghi sổ, cộng sổ, lấy số dư và lên cân đối nên giảm chi phí khâu gián tiếp, dễ dàng quản lý sổ sách. Yêu cầu trình độ kế toán viên cũng không cao.

Việc ghi sổ kế toán không trùng lặp do định khoản ngay trên chứng từ gốc và ghi các tài khoản đối ứng ngay trong 1 quyển sổ cái. Từ đó việc lên cân đối sổ phát sinh các tài khoản rất thuận lợi, nếu có sai sót rất dễ đối chiếu để tìm ra ngay.

□ **Nhược điểm:**

Quyển Nhật ký-Sổ cái khá dài vì phải ghi cho đủ các tài khoản kế toán cần thiết của DN nên khó in ra từ máy tính. Các DN lớn, nhiều tài khoản kế toán thì không thể áp dụng hình thức “Nhật ký-Sổ cái”

Dễ phát sinh lệch dòng do dòng quá dài, dòng kẻ không trùng nhau... Việc ghi sổ lãng phí, một dòng rất dài chỉ ghi vài cột đối ứng. Đồng thời, ghi sổ cái quá chi tiết, mất thời gian, thiếu khoa học.

Qua những ưu điểm và khuyết điểm trên cho thấy lựa chọn hình thức “Chứng từ ghi sổ” là phù hợp nhất với công tác kế toán hiện nay ở Cty.

KẾT LUẬN

Một lần nữa cần khẳng định rằng kế toán nguyên vật liệu là công tác kế toán không thể thiếu trong sản xuất kinh doanh ở các DN sản xuất nói chung và ở Cty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín nói riêng. Thông qua công tác kế toán nguyên vật liệu sẽ giúp cho các DN sản xuất quản lý và sử dụng nguyên vật liệu một cách hiệu quả, ngăn chặn được hiện tượng tiêu cực làm thiệt hại chung đến tài sản của DN, đồng thời góp phần vào việc phấn đấu tiết kiệm chi phí, giá thành sản phẩm, tăng tích lũy, tăng tốc độ chu chuyển của vốn kinh doanh.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Cty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín em thấy công tác kế toán nguyên vật liệu có vai trò rất quan trọng trong sản xuất kinh doanh, nó là một công cụ quản lý đắc lực giúp lãnh đạo Cty nắm bắt được tình hình và có được những biện pháp chỉ đạo sản xuất kinh doanh kịp thời. Vì vậy việc tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng và tổ chức công tác kế toán nói chung phải không ngừng nâng cao và hoàn thiện hơn nữa. Những bài học thực tế tích lũy được trong thời gian thực tập tại Cty đã giúp em củng cố và vững thêm những kiến thức mà em học được ở nhà trường.

Vì thời gian thực tập có ngắn, trình độ hiểu biết còn hạn chế nên bài này không thể tránh khỏi những thiếu sót, kính mong được sự góp ý của các thầy cô giáo và các bạn để bài thực tập này được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn cô Đỗ Huyền Trang cùng Ban lãnh đạo Cty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín và các anh, chị nhân viên phòng kế toán Cty đã tận tình giúp đỡ em hoàn thiện bài thực tập này.

Công ty TNHH XD TM DV Đại Hồng Tín

Mẫu số S04-DNN

Tổ 45 - KDC An Hòa - Khuê Trung - Cẩm Lệ

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ BTC ngày 14/9/2006 của BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH

Tháng 06/2010

SH TK	Tên tài khoản	Số dư đầu tháng		Số phát sinh trong tháng		Số dư cuối tháng	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
111	Tiền mặt	367.750.907		12.276.400.000	11.759.950.999	884.199.908	
112	Tiền gửi ngân hàng	139.514.596		18.301.890.000	17.484.402.072	957.002.524	
131	Phải thu khách hàng		33.422.339.787	11.540.000.000	15.849.000.000		37.731.339.787
133	Thuế GTGT được khấu trừ	740.526.114		696.452.709		1.436.978.823	
141	Tạm ứng	12.425.743.706		1.500.000.000	282.000.000	13.643.743.706	
152	Nguyên vật liệu	6.944.244.168		9.175.473.848	12.093.438.181	4.026.279.835	
153	Công cụ, dụng cụ	445.316.493		30.142.856	474.860.217	599.132	
154	Chi phí sxkd dở dang	4.376.127.005		14.141.913.755		18.518.040.760	
211	Tài sản cố định	8.359.134.758				8.359.134.758	
214	Hao mòn tài sản cố định		1.927.486.828		83.794.039		2.011.280.867
244	Ký quỹ, ký cược dài hạn	300.000.000				300.000.000	
311	Vay ngắn hạn		387.330.000	13.819.387.000	15.536.057.000		2.104.000.000
331	Phải trả cho người bán	25.089.723.288		12.302.657.000	11.079.305.830	26.313.074.458	
333	Thuế, các khoản phải nộp NN		1.351.087.306	594.578.566	1.049.090.909		1.805.599.649
334	Phải trả người lao động	7.555.828.654		1.689.354.615		9.245.183.269	
411	Nguồn vốn kinh doanh		10.000.000.000				10.000.000.000
511	Doanh thu bán hàng		20.019.746.363		10.490.909.091		30.510.655.454
635	Chi phí tài chính	117.964.753		21.695.506		139.660.259	
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp	234.639.022		94.252.483		328.891.505	
711	Thu nhập khác		5.858.022		1.390.000		7.248.022
811	Chi phí khác	19.945.841				19.945.841	
821	Chi phí thuế TNDN		2.611.000				2.661.000
	TỔNG CỘNG	67.116.459.306	67.116.459.306	96.184.198.338	96.184.198.338	84.172.734.779	84.172.734.779

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Người lập biểu

(Ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính.
 2. www.tapchiketoan.com
-